

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG CHÀ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh nuôi chấp  
con khi ly hôn .

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Với thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quảng Văn Xô*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng*

*2. Ông Khoàng Văn Hặc*

*Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Chức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Mường Chà, tỉnh Điện Biên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:  
Bà Lê Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện  
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn  
nhân gia đình thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26/02/2024 về việc ly hôn,  
tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
04/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vì Thị Đ - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

Bị đơn: Anh Khoàng Văn T - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ, (hiện đang chấp hành án tại trại  
giam Yên Hạ-Sơn La có địa chỉ: Bản N., xã H, huyện P, tỉnh S), vắng mặt có lý  
do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01 tháng 02 năm 2024, quá  
trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vì Thị Đ trình bày:**

**Về hôn nhân:** Tôi và anh Khoàng Văn T quen biết nhau từ năm 2009  
được hai bên gia đình Đ ý và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa  
phương và chung sống với nhau như vợ chồng cho đến ngày 15/02/2011 chúng  
tôi tự nguyện đến UBND xã M, huyện M đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống  
với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc và đã có hai con chung. Sau đó anh T

nghiện ma túy dẫn đến nhiều năm nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Tôi đã khuyên giải anh T nhiều lần để anh từ bỏ ma túy để cùng tôi nuôi dạy con cái nhưng anh không nghe. Đến tháng 02/2023 anh T bị bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án xử phạt 06 năm tù, hiện tại đang chấp hành án phạt tù tại giam Yên Hạ, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với anh T, nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

**Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Khoảng Mai N, sinh ngày 23/12/2010 và cháu Khoảng Hiếu N, sinh ngày 13/11/2012. Hiện tại các cháu ở với tôi và cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với tôi, tôi cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Vì anh T đang chấp hành án nên tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với tôi.

**Về tài sản chung, riêng và công nợ:** Tôi không yêu cầu giải quyết.

**Tại tự khai ngày 13/3/2024, tại trại giam phân trại số 02, trại giam Yên Hạ-Cục C10-Bộ Công an, bị đơn anh Khoảng Văn T trình bày:**

**Về hôn nhân:** Tôi và Vì Thị Đ kết hôn với nhau từ ngày 15/02/2011, tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện, chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì tôi đi chấp hành án tại trại Giam Yên Hạ-Sơn La, nay chị Đ có đơn xin ly hôn với tôi, tôi không nhất trí, tôi đề nghị chị Đ phải xuống thăm tôi và nói chuyện với tôi rõ ràng.

**Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Khoảng Mai N, sinh ngày 23/12/2010 và cháu Khoảng Hiếu N, sinh ngày 13/11/2012 trong thời gian tôi chấp hành án tôi nhất trí cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, khi nào tôi ra trại tôi sẽ làm đơn thay đổi sau.

**Về tài sản chung, riêng và công nợ:** Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt và được nhận đầy đủ các quyết định theo trình tự thủ tục tố tụng và tham gia phiên hòa giải nhưng vì đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ - Sơn La không tham gia được và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82;

Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GD. Chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị Đ. Tuyên chấp nhận cho chị Vì Thị Đ được ly hôn với anh Khoàng Văn T.

**Về con chung:** Chị Đ và anh T có 02 con chung là Khoàng Mai N, sinh ngày 23/12/2010 và cháu Khoàng Hiếu N, sinh ngày 13/11/2012. Hiện tại các cháu ở với chị Đ và cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị Đ là mẹ, chị Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động và vì anh T đang chấp hành án nên chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Đ. Anh T cũng nhất trí ý kiến nguyện vọng của các cháu và chị Đ. Ý kiến đề nghị của các bên phù hợp nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

**Về tài sản chung, riêng và công nợ:** Trong quá trình giải quyết chị Đ và anh T cùng thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Đ có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân, nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã M, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa vì lý do đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ-Sơn La, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về hôn nhân:**

[2]. Chị Vì Thị Đ và anh Hoàng Văn T sau khi tìm hiểu nhau từ năm 2009, và được sự Đ ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập của địa phương. Chung sống với nhau đến ngày 15/02/2011, anh, chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đ. Cuộc sống anh, chị ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải anh T từ bỏ ma túy nhiều lần nhưng anh T không nghe. Vì đã quá lún sâu vào ma túy nên tháng 02 năm 2023, anh T mua bán trái phép chất ma túy bị bắt khởi tố, truy tố, xét xử và bị tuyên phạt 06 năm tù. Trong quá trình giải quyết cũng

như tại phiên tòa chị Đ vẫn khẳng định cho đến nay không còn tình cảm với anh T nữa và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Tại bản tự khai của anh T trình bày: Anh không nhất trí ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị Đ và yêu cầu chị Đ đến thăm và nói chuyện cho rõ ràng. Tuy nhiên tại buổi hòa giải và tại phiên tòa chị Đ cho rằng hiện tại điều kiện kinh tế chị khó khăn phải nuôi các con chị có đi thăm anh T thì cũng không thay đổi tình cảm với anh T, chị cho rằng trước đây khi anh T chưa đi chấp hành án, chị đã nhiều lần khuyên giải anh T nhưng anh T không nghe nên cuộc sống của vợ chồng chị không còn hạnh phúc. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh T nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung của chị Đ, anh T không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nữa nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ với anh T để giải thoát cho cả đôi bên.

**[3]. Về con chung:**

Chị Đ và anh T có 02 con chung là Khoàng Mai N, sinh ngày 23/12/2010 và cháu Khoàng Hiếu N, sinh ngày 13/11/2012. Hiện tại các cháu ở với chị Đ và cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Vì anh T đang chấp hành án không có điều kiện để nuôi con nên chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Đ. Anh T nhất trí để chị Đ nuôi cả hai cháu trong thời gian anh T chấp hành án, sau này anh T ra trại sẽ có đơn đề nghị giải quyết sau. Việc giao các cháu cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và thỏa thuận của chị Đ và anh T nên HĐXX ghi nhận.

**[4]. Về tài sản chung, riêng và công nợ:**

Trong quá trình giải quyết chị Đ và anh T cùng thống nhất không có và yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

**[5]. Về án phí:**

Chị Đ là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Đ theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GD;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Tuyên xử, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Vì Thị Đ với anh Khoàng Văn T. Chị Vì Thị Đ được ly hôn với anh Khoàng Văn T.

2. Về con chung: Theo nguyện vọng của các cháu và thỏa thuận thống nhất của anh chị, giao cháu Khoàng Mai N, sinh ngày 23/12/2010 và cháu Khoàng Hiếu N, sinh ngày 13/11/2012 cho chị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con chung không ai được cản trở; quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không đề cập xem xét giải quyết

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị Đ.

5. Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhân:**

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Quàng Văn Xôm**